

181
Min Jin-young, Ahn Jean-myung
Biên dịch: Trang Thơm

실용 한국어 문법

NGŨ PHÁP

TIẾNG HÀN

THÔNG DỤNG Trung Cấp

Korean Grammar

in Use - Intermediate

- ★ Nhiều chủ điểm ngữ pháp và cấu trúc xuất hiện trong kỳ thi TOPIK trung cấp trình độ 3 và 4
- ★ Phần giải thích Ngữ pháp chi tiết và phần luyện tập phù hợp cho việc tự học
- ★ So sánh các chủ điểm ngữ pháp tương đồng và nhấn mạnh sự khác biệt giữa chúng
- ★ Các cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập được thiết kế phù hợp cho việc luyện thi TOPIK trung cấp

NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN

Thông dụng - Trung cấp

KOREAN GRAMMAR IN USE INTERMEDIATE

중급 한국어 문법

Tác giả: Min Jin-young, Ahn Jean-myung
Dịch giả: Trang Thơm



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

머리말

한국어 교육이 활기를 띠면서 최근 몇 년간 한국어 교육을 위한 다양한 책이 출판되었지만 대부분 초급 학생들을 대상으로 한 것이었습니다. 그 이유는 기존에 한국어를 배우던 학생들이 초급까지만 배우다 그만두는 경우가 많아서 대부분의 책들도 초급자를 겨냥해서 출판했기 때문인 것 같습니다. 그러나 최근 한국에 대한 관심이 높아지고 한국에서 대학이나 대학원에 진학하고자 하는 학생들이 늘면서 중급 이상의 한국어를 학습하고자 하는 사람들이 증가하고 있습니다. 이에 따라 중급 이상의 학습자들을 위한 한국어 교재가 필요한 실정입니다. 중급에서 다루는 문법들은 초급과 달리 활용이 복잡하고 의미가 다양하여 중급 수준의 한국어 학습자들로부터 한국어를 배우는 게 점점 더 어려워진다는 이야기를 많이 듣습니다. 또한 한국어에 대한 지식이 쌓여 가면서 기존에 배웠던 문법들과 새로 배우는 문법들이 헷갈린다는 말도 많이 합니다.

본 책은 *Korean Grammar in Use*의 두 번째 시리즈로, 한국 대학의 한국어 교육기관에서 사용하고 있는 3~4급 교재에 많이 나오는 문법들을 정리하여 중급 수준의 한국어를 배우기 원하는 학생이나 이미 배운 한국어 문법을 정리하고자 하는 학생들을 위한 교재로 기획되었습니다. 중급 학습자를 대상으로 하는 책답게 문법과 예문은 중급 수준의 한국어를 사용했으며, 좀 더 명확한 의미 전달을 위해 영어 번역도 함께 실었습니다. 또한 기존의 문법책에서는 다루지 않은 그동안 현장에서 가르치면서 학생들이 어려워하거나 많이 틀리는 부분들에 대해서도 언급하여 학습자나 교사에게 도움을 주고자 하였습니다. 그리고 일반적인 문법책이 가지고 있는 단점, 즉 문법의 의미는 알지만 사용되는 상황을 정확히 알기 힘들다는 점을 보완하기 위해 대체 연습식으로 대화를 만들어 보는 활동을 첨가했습니다. 그뿐만 아니라 최근 관심이 집중되고 있는 한국어능력시험(TOPIK)을 대비할 수 있도록 TOPIK 유형의 연습 문제도 실었습니다.

이 책을 통해 한국어를 배우는 많은 학생들이 좀 더 쉽게 한국어를 이해하고 다양하고 수준 높은 한국어를 구사할 수 있기를 바랍니다. 더불어 현장에서 한국어를 가르치는 교사들 역시 수업을 진행하고 이끌어나가는 데 도움을 받을 수 있었으면 합니다.

끝으로 사명감을 가지고 좋은 한국어 교재를 편찬하는 데 최선을 다하는 다락원 한국어출판부 편집진께 감사의 말을 전하고 싶습니다. 여러 가지 어려운 일에도 불구하고 본 교재가 나오기까지 꼼꼼하게 신경을 써 주신 것에 감사드립니다. 또한 이 책의 번역을 맡아 주신 채드 워커 씨와 즐겁고 기쁜 마음으로 교정을 봐주고 여러 가지 조언을 해 준 선은희 선생님과 학생들, 그리고 친구들에게 고마움을 전합니다.

저자 일동

Cùng với việc bùng nổ học tiếng Hàn Quốc trong vài năm gần đây, số lượng giáo trình tiếng Hàn Quốc được xuất bản rất nhiều. Tuy nhiên, hầu hết các giáo trình chỉ tập trung đến đối tượng mới học vì có rất nhiều trường hợp các học sinh học tiếng Hàn chỉ học đến trình độ Sơ cấp rồi ngưng lại. Nhưng gần đây tiếng Hàn ngày càng được quan tâm và số lượng học sinh muốn học lên đại học hay cao học ở Hàn Quốc cũng có chiều hướng tăng cao. Chính vì vậy, giáo trình tiếng Hàn Trung cấp và Cao cấp trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Nhiều học sinh cho hay, khác với bậc Sơ cấp, ngữ pháp bậc Trung cấp phức tạp và đa dạng hơn nhiều về mặt ý nghĩa, và việc học tiếng Hàn cũng dần trở nên khó hơn. Ngoài ra, càng học được nhiều kiến thức cũng càng có nhiều bẫy nhảm lẫn giữa các kiến thức mới và kiến thức đã học.

Là cuốn sách thứ hai trong bộ sách *Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc*, cuốn sách này tổng hợp những phần ngữ pháp thường xuất hiện trong các giáo trình Trung cấp 3-4 thường được sử dụng tại các trung tâm ngôn ngữ thuộc các trường Đại học ở Hàn Quốc, rất phù hợp với những học sinh muốn học lên trình độ Trung cấp hoặc những học sinh đã biết tiếng Hàn và muốn tổng hợp lại những kiến thức mình đã học. Để đúng với tư cách là sách dành cho học sinh bậc Trung cấp, chúng tôi đã sử dụng những ngữ pháp và ví dụ đúng chuẩn Trung cấp và cũng có in kèm theo phần dịch tiếng Việt rất rõ ràng để các bạn tiện theo dõi. Ngoài ra, những phần ngữ pháp thường không có trong các giáo trình tiếng Hàn cơ bản nhưng trong quá trình học tập và giảng dạy trực tiếp được nhiều học sinh cho là khó và hay sai cũng được đề cập đến để các bạn học sinh cũng như giáo viên dạy tiếng Hàn tham khảo thêm. Hơn nữa, chúng tôi cũng đưa ra bài luyện tập tạo hội thoại để học sinh không chỉ hiểu ý nghĩa của ngữ pháp mà còn biết vận dụng chính xác trong tình huống thích hợp. Không chỉ vậy, cuốn sách này cũng bao gồm cả những bài luyện tập tương tự cấu trúc đề thi năng lực tiếng hàn (TOPIK), kỳ thi đang được rất nhiều học sinh quan tâm để các bạn dễ dàng ôn luyện.

Chúng tôi hy vọng rằng với cuốn sách này, các bạn có thể học tiếng Hàn một cách dễ dàng hơn để có thể sử dụng tiếng Hàn ở trình độ cao. Hơn nữa, chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách này sẽ là nguồn tài liệu hữu ích cho các giáo viên trong việc giảng dạy tiếng Hàn.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban biên tập Nhà xuất bản Hồng Đức đã cố gắng hết sức để xuất bản cuốn sách dành cho người học tiếng Hàn này. Đặc biệt, chúng tôi xin cảm ơn quý độc giả đã quan tâm và đón nhận cuốn sách này.

Nhóm tác giả

Hướng dẫn sử dụng sách

목표 문법 제시

본 단원(Unit)에서 배워야 할 목표 문법을 제시하였습니다.

도입

본격적으로 목표 문법을 학습하기 전에 브레인스토밍(Brainstorming)을 하면서 그 문법에 대해 생각해 보도록 그림과 대화를 제시하였습니다. 대화는 목표 문법의 상황이 가장 잘 나타나는 것으로 선정하였고 상황이 잘 드러나는 그림도 함께 넣었습니다.

너무 늦은 걸까요?

목표 문법에 대한 의미적인 설명을 하고 해당 문법을 품사와 시제별로 활용할 수 있도록 표와 예문을 제시하였습니다. 이때 A는 형용사, V는 동사, N은 명사를 나타냅니다.

03 -(으)ㄴ 텐데



가 바람이 많이 부네요.
Ca tha mach quai?

Can this month give

나 바닷물이 끓면 수을 **텐데** 따뜻하게 입고 가는 게 좋겠어요.

Giả thiết mạnh hơn được đưa ra bởi một số nhà nghiên cứu khác, cho rằng:



가 웨이밍 씨가 오늘 동창회에 온대요?
Wéiming nǐ jīn tiān bāi huì tóng xué huì ma?

Während sich die *Einheits* heute fast ausschließlich als *Einheits* in der *Einheits* findet, so ist die *Einheits* in der *Einheits* heute fast ausschließlich als *Einheits* in der *Einheits* zu finden.

나 모르겠어요. 벌써 초대장을 받았을 텐데 연락이 없네요.

Tôi không biết. Có lẽ chiếc đĩa nhận được giấy mời rồi, nhưng tôi chưa thấy có lý do tại sao.

은혜를 알아볼까요?

이 표현은 추측이나 의심을 나타내는 '-(으)ㄹ' 타이더에 상응하여 합의 태도를 나타내는 '-(으)ㄹ' 타이더가 함께 사용된다. 간단하게 설명하면 '-(으)ㄹ' 타이더의 추측 혹은 이해를 표현할 때 사용하는 것이라고 할 수 있습니다. 설명할 때는 어떤 사실이나 상황에 대한 강한 추측이나 이해를 나타내는 일이 오히려 후향적이고 권위적 거나 반대되는 일이 온다.

Câu trúc này là sự kết hợp của (2) và (1) (2), câu trúc diễn tả tình huống tương lai hoặc ý định cụ thể và (1), câu trúc diễn tả tiền đề của tình huống ở mệnh đề sau. Đó đây, sử dụng câu trúc này đã đưa ra nhận định, phỏng đoán một việc gì đó sẽ xảy ra, mệnh đề ý định hoặc sự phỏng đoán thứ nhất và một tình huống, sự kiện xảy ra. Mệnh đề sau có thể liên quan hoặc tương phản với mệnh đề trước.

		-이요? 반대	
AV	과거	-이요?를 반대	작다 약간을 반대
	현재	-이요? 반대	작다 작을 반대
NOM	과거	작을 반대 아름을 반대	부자이다 학살아름을 반대
	현재	작 반대	부자이다 학살이다

의갈아논아리

이 표현은 (의)의 반대요의 형태로 문장 끝에 사용할 수 있는데 이때는 말하는 사람의 주축이나 가정 상황을 나타내기도 합니다.

This expression can also be used at the end of a sentence in the form $-(\text{Q})\text{Q}$, but, in this case, it can also suggest the speaker's supposition or assumption about the situation being discussed.

과 제나 씨에게 같이 여행 가자고 할까요?

Should we ask Jane to go on the trip with us?

나 제나 지는 요를 바를 텐데요
I Don't know if they're going to

© 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679

과 경우 세가 요한 시험 준비하느라 바쁘네요.

I heard Gyeongso is busy trying to prepare for his exam.

나 이번에는 꼭 합격해야 할 텐데요
 I'm really keen to pass this time.

It's really hard to jump this time.

가 때문에 와서 비엔나가 모두 원소파열어요.

All the Rights were cancelled because of the *typhoon*.

1.4 模型中各变量均服从正态分布，且相互独立。

They wouldn't have been cancelled if there hadn't been a *fat* son.

더 알아보까요?

'문법을 알아볼까요?'에서 설명한 문법의 의미 외에 목표 문법의 다른 의미와 형태적인 제약, 사용 시 주의해야 할 점을 제시하였습니다.

비교해 보세요

ㄴ(으)ㄴ/는(대)와 ㄴ(으)ㄹ 형태는 다음과 같은 점에서 차이가 있습니다.
So sánh ㄴ(으)ㄴ/는(대) và ㄴ(으)ㄹ

ㄴ(으)ㄴ/는(대)	ㄴ(으)ㄹ 형태
현재 상황에 대한 배경 설명이나 미래 일을 대중에 대한 도입을 제시할 때 사용한다. Sử dụng làm tiền đề, giải thích một dung hiện tại hoặc giới thiệu thông tin cho việc xảy ra ở mệnh đề sau.	현재나 미래 상황에 대해 일어난 사람의 추측을 표현할 때 사용한다. Sử dụng để đưa ra nhận định, phỏng đoán về một việc nào đó sẽ xảy ra ở mệnh đề sau.
	
• (지금) 비가 오는데 우산을 가지고 가세요. Bây giờ trời mưa nên hãy mang theo ô nhé.	• (오후에) 비가 올 텐데 우산을 가지고 가세요. Trời có thể sẽ mưa đấy, nên hãy mang theo ô nhé.
→ 비가 오고 있기 때문에 ㄴ(으)ㄴ/는(대)를 사용하고 있습니다. Sử dụng ㄴ(으)ㄴ/는(대) vì trời đang mưa.	→ 앞으로 비가 올 것이기 때문에 ㄴ(으)ㄹ 형태를 사용하고 있습니다. Sử dụng ㄴ(으)ㄹ 형태 vì người nói nghĩ trời sẽ mưa.

대화를 만들어 보세요

1 가 커피 한잔 주실까요?

나 지금 커피를 마시려 한이 알 음 텐데 우유를 드세요.

커피 한잔 주시라
주실려 먹지않게 같이 가라
유지않고 우유를 보여 가라

지금 커피를 마시려 한이 안 오다 / 우유를 마시라
사실 좋아라 사람이 많다 / 다음에 가라
그 유지는 안 보여 줄란다 / 다른 공원을 보여

2 가 오후에 같이 테니스 칠까요?

나 오후에는 날씨가 꽤 더운 텐데요.

오후에 같이 테니스 치라
오늘은 커피숍에 가서 공부하라
아기라 씨를 같이 영화로 보라

오후에는 날씨가 꽤 덥다
커피숍은 시끄럽다
아기라 씨는 고집을 들어간다

비교해 볼까요?

목표 문법과 형태나 의미가 비슷한 문법을 비교해서 제시하여 학습자들이 해당 문법을 좀 더 잘 이해할 수 있도록 하였습니다.

대화를 만들어 볼까요?

목표 문법이 실제 생활에서는 어떻게 사용되는지 알 수 있게 학습자들이 직접 대화문을 만들면서 연습할 수 있게 한 활동입니다. 목표 문법은 모범 대화문에서 빨간색으로 표시하였고, 모범 대화문은 아래 부분에 제시된 상하 안의 색깔과 동일한 부분을 대체하여 연습할 수 있도록 하였습니다.

연습해 볼까요?

배운 목표 문법을 활용하여 연습해 보도록 제시하였습니다. 다양한 상황에서 연습할 수 있도록 대화 및 여러 형식의 문제를 넣었습니다. 각 문제의 (1)번은 <보기>에 해당하는 것으로 (1)번과 같이 활용하여 연습할 수 있도록 하였습니다.

연습해 볼까요?

1 ㄴ(으)ㄹ 형태를 사용해서 다음을 한 문장으로 만드세요.

- (1) 방학하면 심심할 거예요. + 우리 집에 놀러 오세요.
→ 방학하면 심심할 텐데 우리 집에 놀러 오세요.
- (2) 배가 고픈 거예요. + 이것 좀 드세요.
- (3) 손님이 많이 올 거예요. + 음식을 얼마나 준비해야 할까요?
- (4) 사도 씨가 보리스를 만났을 거예요. + 현비내라고 해야겠어요.
- (5) 인천 씨가 서울에 도착했을 거예요. + 이따가 연락해 볼까요?

1장 확인해 볼까요?

11~22 다음 밑줄 친 부분의 비유를 쓸 수 있는 것을 고르세요.

1 주영 씨가 책을 자주 사는 걸 보니 책 읽는 걸 좋아하네요.

- 책을 많이 좋아해요
- 책을 많이 읽다 봐요
- 책을 사는 걸 좋아해요
- 책을 많이 읽을지도 몰라요

2 새길라 씨가 한국어를 잘하는 걸 알고 있어요.

- 한국어를 정말 잘해요
- 한국어를 잘하고 싶어해요
- 한국어를 잘하고 공부하고 있어요
- 한국어를 잘한다고 생각했는데 아니에요

3~5 다음 밑줄 친 곳에 맞는 대사를 고르세요.

3 가 요즘 사람들이 이 신발을 많이 신고 다니네요.

나 그러게요. 이 신발이

- 인기가 많을걸요
- 인기가 많을지도 몰라요
- 인기가 많은 모양이에요
- 인기가 많은 줄 알았어요

확인해 볼까요?

각 장(Chapter)에서 배운 의미가 비슷한 문법에 대한 문제를 풀어 보면서 한 장(Chapter) 전체를 복습하도록 구성하였습니다. 한국어능력시험(TOPIK) 문제 형식으로 제시하여 시험에 대비할 수 있도록 하였습니다.

Hướng dẫn sử dụng sách

Cách trình bày Ngữ pháp

Ngữ pháp chủ điểm được học ở mỗi bài.

Dẫn nhập

Trước khi chính thức đi vào phần ngữ pháp chủ điểm của mỗi bài, chúng tôi đưa ra các bức tranh và lời thoại minh họa như một cách giới thiệu tổng quát về ngữ pháp đó. Những bức tranh và đoạn hội thoại được sử dụng ở đây đều thể hiện rất rõ tình huống và ngữ cảnh để sử dụng ngữ pháp.

Tìm hiểu Ngữ pháp

Ở phần **문법을 알아볼까요?**, chúng tôi giải thích rõ ý nghĩa của ngữ pháp chủ điểm và cách dùng của ngữ pháp đó theo từng loại từ và thì thể thông qua bảng và ví dụ. Chú ý "A" chỉ tính từ, "V" chỉ động từ, và "N" chỉ danh từ.

03 -(으)ㄴ 텐데



가 바람이 많이 부네요.

Gio thổi mạnh quá!

나 바람이 불면 추을 텐데 따뜻하게 입고 가는 게 좋겠어요.

Gio thổi mạnh nên chắc trời sẽ lạnh, nên bạn hãy mặc ấm khi ra ngoài.



가 웨이팅 씨가 오는 동창회에 온대요?

Waiting 씨 tới đến buổi họp mặt đồng môn không?

나 모르겠어요. 벌써 초대장을 받았을 텐데 연락이 없네요.

Tôi không biết. Có lẽ chắc đã nhận được giấy mời rồi, nhưng thì chưa thấy có ý liên lạc lại.

문법을 알아볼까요?

이 표현은 추측이나 의심을 나타내는 '-(으)ㄴ'과 '아마'에 상응하는 '일단'을 나타내는 '-(으)ㄴ'과 '아마'가 합쳐진 형태입니다. 간단하게 설명하면 '-(으)ㄴ'은 '추측' 혹은 '이해를 표현할 때 사용하는 것'이라고 할 수 있습니다. 상황에서는 어떤 사실이나 상황에 대한 감정을 추측이나 이해를 나타내는 말이 오고 후행절에서는 상황과 관련된 것이 반대가 되는 말이 옵니다.

구조 분석은 이 두 가지가 합쳐진 '-(으)ㄴ'과 '아마'의 구조를 분석해 보면, '아마'는 '일단'을 나타내는 '일단'과 '아마'가 합쳐진 형태이고, '-(으)ㄴ'은 '일단'과 '아마'가 합쳐진 형태입니다. '아마'는 '일단'과 '아마'가 합쳐진 형태이고, '-(으)ㄴ'은 '일단'과 '아마'가 합쳐진 형태입니다.

-(으)ㄴ 텐데				
AV	과거	-았/었/였/았	적다	적었을 텐데
	현재	-(으)ㄴ	적다	적을 텐데
N/AI	과거	았을 텐데	부자이다	부자였을 텐데
	현재	있을 텐데	부자이다	부자일 텐데

더 알아볼까요?

이 표현은 '-(으)ㄴ' 형태로 문장 끝에 사용될 수 있는데 이때는 말하는 사람의 추측이나 가정 상황을 나타내기도 합니다.

This expression can also be used at the end of a sentence in the form '-(으)ㄴ 텐데요, but, in this case, it can also express the speaker's supposition or assumption about the situation being discussed.

가 제나 저에게 같이 여행 가기로 합니까?

Shall we ask Jena to go on a trip with us?

나 제나 저는 요즘 바빠 텐데요.

I think Jena is busy these days.

가 경수 씨가 요즘 시험 준비하느라 바빠 텐데요.

I heard Gyeongso is busy trying to prepare for his exam.

나 이번에는 꼭 합격해야 할 텐데요.

He really has to pass this time.

가 대풍이 와서 비행기가 모두 취소되었어요.

All the flights were cancelled because of the typhoon.

나 대풍이 오지 않았더라면 비행기가 취소되지 않았을 텐데요.

They wouldn't have been cancelled if there hadn't been a typhoon.

Tìm hiểu thêm

Tại phần **더 알아볼까요?**, chúng tôi giải thích thêm về ý nghĩa khác của ngữ pháp đang được xét, các hạn định hình thái hoặc các điểm cần lưu ý khi sử dụng.

비교(비교)와 (비)대

① (비)대는 (비)대와 (비)대 형태는 다음과 같은 점에서 차이가 있습니다.
So sánh (비)대 và (비)대

(비)대	(비)대
한데 일하는 데만 비교할 때 (비)대 사용 Sử dụng theo tính từ, giải thích nội dung hiện tại hoặc giới thiệu thông tin cho việc xảy ra ở mệnh đề sau.	한데 일하는 데만 비교할 때 (비)대 사용 Sử dụng để đưa ra nhận định, phỏng đoán và một việc nào đó sẽ xảy ra ở tương lai.
	
• (비)대: 비가 오는데 우산을 가지고 가세요. Bây giờ trời mưa nên hãy mang theo ô nhé.	• (비)대: 비가 올 텐데 우산을 가지고 가세요. Trời có thể sẽ mưa đấy, nên hãy mang theo ô nhé.
→ 비가 오고 있기 때문에 (비)대 사용 Sử dụng (비)대 để nói trời đang mưa.	→ 앞으로 비가 올 것이기 때문에 (비)대 사용 Sử dụng (비)대 để nói về người nói nghĩ trời sẽ mưa.

대화를 만들어 보세요

1. 가: 커피 원할 주실까요?

나: 지금 커피를 마시면 많이 한 후인데 우유를 드세요.

커피 원할 주사다

우유에 먹히기에 많이 가다

원할 '원'과 나를 같이 가다

지금 커피를 마시면 많이 한 후다 / 우유를 마시라

세로 줄이와 사람이 많다 / 다음에 가라

그 원할은 많이 한 후다 / 다른 곳으로 가라

2. 가: 오후에 같이 테니스 칠까요?

나: 오후에는 날씨가 꽤 맑을 텐데요.

오후에 같이 테니스 치다

오늘은 커피에 가서 공부하다

아기가 비를 많이 먹었다

오후에는 날씨가 꽤 맑다

커피숍은 서둘러

아기가 비는 고향에 돌아갔다

Luyện tập

Chúng tôi đã đưa ra đề bài dưới nhiều hình thức khác nhau để các bạn học sinh có thể vận dụng trong nhiều tình huống đa dạng.

1. 원할을 물어보세요

①~② 다음 밑줄 친 부분에 비유를 쓸 수 있는 것을 고르세요.

1. 주영 씨가 책을 자주 사는 걸 보니 책이 있는 모양이에요.

① 책을 많이 좋아해요

② 책을 많이 읽다

③ 책을 사는 걸 좋아해요

④ 책을 많이 읽을 줄도 모르

2. 제길라 씨가 한국어를 잘하는 걸 칭찬해요.

① 한국어를 정말 잘해요

② 한국어를 잘하고 싶어해요

③ 한국어를 잘하려고 공부하고 있어요

④ 한국어를 잘한다고 생각하고 생각했는데 아니에요

③~⑤ 다음 밑줄 친 곳에 맞는 대답을 고르세요.

3. 가: 요즘 사람들이 이 신발을 많이 신고 다니네요.

나: 그러네요. 이 신발이

① 인기가 많을 줄요

② 인기가 없을 줄도 몰라요

③ 인기가 많은 모양이에요

④ 인기가 많은 줄 알았어요

Phân biệt

So sánh ngữ pháp chủ điểm với những ngữ pháp có ý nghĩa tương tự để các bạn học sinh có thể hiểu một cách cụ thể hơn.

Tạo hội thoại

Phần này sẽ giúp học sinh nắm chắc cách sử dụng ngữ pháp trong các hoàn cảnh thực tế thông qua việc trực tiếp tạo các đoạn hội thoại và luyện tập. Ở đoạn hội thoại mẫu, ngữ pháp chủ điểm được in màu đỏ, các câu thoại được xếp vào các ô cùng màu tương ứng bên dưới để học sinh luyện tập dễ dàng.

연습해 보세요

1. (비)대 형태를 사용해서 다음을 한 문장으로 만드세요.

(1) 방학하면 심심할 거예요. + 우리 집에 놀러 오세요

→ 방학하면 심심할 텐데 우리 집에 놀러 오세요

(2) 비가 고요 거예요. + 이것 좀 드세요

→

(3) 손님이 많이 올 거예요. + 음식을 얼마나 준비해야 할까요?

→

(4) 사도 씨가 보너스를 받았을 거예요. + 천덕이라고 축하해요

→

(5) 임신 씨가 서울에 도착했을 거예요. + 이기가 연락해 볼까요?

→

Kiểm tra

Sau mỗi chương sẽ có phần kiểm tra lại những ngữ pháp có ý nghĩa tương tự nhau để học sinh ôn tập lại. Các câu hỏi của phần này được ra theo hình thức đề thi TOPIK nhằm giúp học sinh làm quen với đề thi này.

Nội dung

Lời nói đầu	4
-------------	---

Hướng dẫn sử dụng sách	6
------------------------	---

1장 추측과 예상을 나타낼 때 Diễn tả phỏng đoán và suy đoán

01 -아/어 보인다	14
02 -(으)ㄴ/는 모양이다	17
03 -(으)ㄴ 텐데	21
04 -(으)ㄴ 테니까	25
05 -(으)ㄴ걸요	29
06 -(으)ㄴ/는/(으)ㄴ 줄 몰랐다(알았다)	34
07 -(으)ㄴ지도 모른다	37

2장 대조를 나타낼 때 Diễn tả sự tương phản

01 -기는 하지만, -기는 -지만	42
02 -(으)ㄴ/는 반면에	46
03 -(으)ㄴ/는데도	49

3장 서술체와 반말체 Thể trần thuật và thân mật

01 서술체	54
02 반말체	58

4장 이유를 나타낼 때 Diễn tả nguyên nhân

01 -거든요	66
02 -잡아요	70
03 -느라고	73
04 -는 바람에	77
05 -(으)ㄴ/는 탓에	81
06 -고 해서	85
07 -(으)ㄴ까 봐	88

5장 다른 사람의 말이나 글을 인용할 때 Trích dẫn gián tiếp

01 -다고요?	94
02 -다고 하던데	98
03 -다면서요?	103
04 -다니요?	107

6장 결심과 의도를 나타낼 때 Diễn tả quyết tâm và ý đồ

01 -(으)ㄴ까 하다	114
02 -고자	117
03 -(으)려던 참이다	120
04 -(으)ㄴ 겸 -(으)ㄴ 겸	124
05 -아/어야지요	127

7장 추천과 조언을 나타낼 때 Diễn tả gợi ý và lời khuyên

01 -(으)ㄴ 만하다	132
02 -도록 하다	136
03 -지 그래요?	139

8장 회상을 나타낼 때 Diễn tả sự hồi tưởng

01 -던	144
02 -더라고요	148
03 -던데요	152

9장 피동을 나타낼 때 Hình thức bị động

01 단어 피동 (-이/히/리/기-)	158
02 -아/어지다	162
03 -게 되다	165

10장 사동을 나타낼 때 Hình thức sai khiến

01 단어 사동 (-이/히/리/기/우/추-)	170
02 -게 하다	175

11장 조건을 나타낼 때

Diễn tả điều kiện

- 01 -아/어야 182
- 02 -거든 186

12장 추가를 나타낼 때

Diễn tả bổ sung thông tin

- 01 -(으)ㄹ 뿐만 아니라 192
- 02 -(으)ㄹ/는 데다가 196
- 03 조차 200
- 04 만 해도 203

13장 도중을 나타낼 때

Diễn tả hành động gián đoạn

- 01 -는 길에 208
- 02 -다가 211

14장 정도를 나타낼 때

Diễn tả mức độ

- 01 -(으)ㄹ 정도로 216
- 02 만 하다 218
- 03 -(으)ㄹ/는/(으)ㄹ 만큼 221

15장 선택을 나타낼 때

Diễn tả sự lựa chọn

- 01 아무(이)나 / 아무+도 226
- 02 (이)나 229
- 03 (이)라도 232
- 04 -든지 -든지 236
- 05 -(으)ㄹ/는 대신에 239

16장 시간이나 순차적 행동을 나타낼 때

Diễn tả thời gian và trật tự hành động

- 01 만에 244
- 02 -아/어 가지고 247
- 03 -아/어다가 250
- 04 -고서 253

17장 발견과 결과를 나타낼 때

Diễn tả sự phát hiện và kết quả

- 01 -고 보니 258
- 02 -다 보니 261
- 03 -다 보면 265
- 04 -더니 268
- 05 -왔/있더니 273
- 06 -다가는 278
- 07 -(으)ㄹ/는 셈이다 283

18장 상태를 나타낼 때

Diễn tả trạng thái hành động

- 01 -아/어 놓다 288
- 02 -아/어 두다 291
- 03 -(으)ㄹ 채로 294
- 04 -(으)ㄹ/는 대로 298

19장 성질과 속성을 나타낼 때

Diễn tả đặc điểm và tính chất

- 01 -(으)ㄹ/는 편이다 304
- 02 스럽다 308
- 03 답다 311

20장 강조를 나타낼 때

Diễn tả sự nhấn mạnh

- 01 얼마나 -(으)ㄹ/는지 모르다 316
- 02 -(으)ㄹ 수밖에 없다 320
- 03 -(으)ㄹ 뿐이다 322
- 04 (이)아말로 325

21장 목적을 나타낼 때

Diễn tả mục đích

- 01 -게 330
- 02 -도록 333

Nội dung

22장 완료를 나타낼 때 Diễn tả sự hoàn tất của hành động

01 -았/었다가	338
02 -았/었던	342
03 -아/어 버리다	347
04 -고 말다	350

23장 소용없음을 나타낼 때 Diễn tả sự vô ích

01 -(으)나 마나	356
02 -아/어 봤자	360

24장 가정 상황을 나타낼 때 Diễn tả sự giả định tình huống

01 -(느)ㄴ 다면	366
02 -았/었다더라면	370
03 -(으)ㄹ 뻔하다	373

25장 후회를 나타낼 때 Diễn tả sự hối hận

01 -(으)ㄹ걸 그랬다	378
02 -았/었어야 했는데	382

26장 습관과 태도를 나타낼 때 Diễn tả thói quen và thái độ

01 -곤 하다	388
02 -기는요	392
03 -(으)ㄴ/는 척하다	395

▪ Phụ lục

• Đáp án	400
• 대화를 만들어 보세요? Script	412
• Phụ lục Ngữ pháp	431

NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN

THÔNG DỤNG Trung Cấp

Cuốn sách này là nguồn tài liệu tham khảo tuyệt vời cho người học ở trình độ trung cấp hoặc cao cấp. Các hạng mục ngữ pháp được trình bày có hệ thống thông qua các ví dụ dễ hiểu kèm theo phân giải thích rõ ràng. Phần luyện tập hội thoại và các bài tập ở cuối chương cũng thực sự rất hữu ích. Tôi thực sự đánh giá rất cao cuốn sách này!

- **Kylie McCallum**, Giáo viên ESL và sinh viên KSL, New Zealand

“Cuốn sách giúp học sinh hiểu rõ bản chất bên trong của cấu trúc ngữ pháp thông qua các đoạn hội thoại, luyện tập, tranh minh họa, file nghe v...v. Tôi nghĩ rằng cuốn sách này là nguồn tài liệu tuyệt vời cho học sinh trong lớp cũng như nhiều học sinh tự học khác.”

- **Katie Lloyd**, Trợ giảng Trường Đại Học Konkuk

Một trong những điều mà học sinh ở trình độ Trung cấp gặp phải, đó là chưa hiểu rõ sự khác nhau giữa những cấu trúc đã học và các chủ điểm ngữ pháp họ muốn tìm hiểu. Vì thế, tôi gợi ý cuốn sách này đến tất cả những học sinh hay nhầm lẫn giữa các cấu trúc ngữ pháp đã học.

- **Kang Sumi**, Trợ giảng Trường Đại Học Seogang, Trung tâm ngoại ngữ tiếng Hàn Quốc

Học ngoại ngữ thông minh bằng cách MCBooks

Sở hữu mỗi cuốn sách của MCBooks là bạn sở hữu hệ sinh thái học ngoại ngữ lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam. MCBooks không chỉ giúp bạn nâng cao các tính năng đột phá, tiên phong mang đến cho bạn phong cách học ngoại ngữ thông minh. Phong cách MCBooks!
Với cuốn sách này bạn học sẽ được:



- ▶ Học mọi lúc mọi nơi cùng các thiết bị di động.
- ▶ Lựa chọn bài nghe linh hoạt, tiện dụng.
- ▶ Nghe lặp bài thông minh, lần đầu tiên xuất hiện.
- ▶ Học sâu, nhớ lâu, ôn tập dễ dàng.



Hãy cùng MCBooks bứt phá mọi giới hạn của việc học tập để biến ước mơ thông thạo ngoại ngữ của bạn thành hiện thực. Bạn đã sẵn sàng trở thành một siêu sao ngoại ngữ chưa?

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN TH



Mã sách: 070704595

Korean Grammar in Use – Beginning by Darakwon, Inc. Copyright © 2011, Ahn Jean-myung, M.
Bản quyền tiếng VIỆT © CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH MCBOOKS



Mã QR



Giá: 200.000 VNĐ

